

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	2
1.1	Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên cao cấp
1.2	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên chính
2	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	6
2.1	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên chính
2.2	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên chính
2.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
2.4	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
2.5	Trưởng ban Tiếp công dân	Chuyên viên
2.6	Phó Trưởng ban Tiếp công dân	Chuyên viên
3	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	7
3.1	Tổng hợp chung	Chuyên viên
3.2	Tổng hợp kinh tế ngành	Chuyên viên
3.3	Tổng hợp tài chính-ngân sách	Chuyên viên
3.4	Tổng hợp khoa giáo - văn xã	Chuyên viên
3.5	Tổng hợp nội chính	Chuyên viên
3.6	Tiếp công dân	Chuyên viên
3.7	Kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
4	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
4.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
4.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
4.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
4.4	Công nghệ thông tin và công báo	Chuyên viên
4.5	Kế toán	Chuyên viên
4.6	Thủ quỹ	Nhân viên
4.7	Văn thư	Nhân viên
4.8	Lưu trữ	Nhân viên
4.9	Lái xe	Nhân viên
4.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
4.11	Phục vụ	Nhân viên
4.12	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		27

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 09 phòng và tương đương:

Phòng Hành chính-Tổ chức; Phòng Quản trị-Tài vụ; Phòng Tổng hợp; Phòng Kinh tế Tổng hợp; Phòng Kinh tế ngành; Phòng Khoa giáo-Văn xã; Phòng Nội chính; Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính; Ban Tiếp công dân tỉnh.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 68 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 66 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 66 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 65 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	14
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng ban	Chuyên viên
1.4	Phó Trưởng ban	Chuyên viên
1.5	Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.6	Phó Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.7	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.8	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.9	Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.10	Phó Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.11	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.12	Phó Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.13	Trưởng phòng thuộc Ban, Chi cục	Chuyên viên
1.14	Phó Trưởng phòng thuộc Ban, Chi cục	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	14
2.1	Tổ chức - biên chế	Chuyên viên
2.2	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Chuyên viên
2.3	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	Chuyên viên
2.4	Cải cách hành chính	Chuyên viên
2.5	Quản lý địa giới hành chính	Chuyên viên
2.6	Xây dựng chính quyền	Chuyên viên
2.7	Quản lý chế độ, chính sách cơ sở	Chuyên viên
2.8	Quản lý công tác thanh niên	Chuyên viên
2.9	Quản lý hội và tổ chức phi Chính phủ	Chuyên viên
2.10	Quản lý thi đua khen thưởng	Chuyên viên
2.11	Quản lý tôn giáo	Chuyên viên
2.12	Quản lý văn thư lưu trữ	Chuyên viên
2.13	Thanh tra	Thanh tra viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
2.14	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
3.5	Kế toán	Kế toán viên Trung cấp
3.6	Thủ quỹ	Nhân viên
3.7	Văn thư	Nhân viên
3.8	Lưu trữ	Nhân viên
3.9	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.10	Lái xe	Nhân viên
3.11	Phục vụ	Nhân viên
3.12	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		40

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 06 phòng (trương đương) và 03 đơn vị trực thuộc Sở:

Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Tổ chức, Biên chế và Tổ chức phi chính phủ; Phòng Công chức, viên chức; Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên; Phòng Cải cách hành chính; Ban Thi đua-Khen thưởng; Ban Tôn giáo; Chi cục Văn thư-Lưu trữ.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 71 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 70 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 69 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 68 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên Vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	7
1.1	Trưởng Ban	Chuyên viên chính
1.2	Phó Trưởng Ban	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.5	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4
2.1	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Chuyên viên
2.2	Nghiên cứu dân tộc	Chuyên viên
2.3	Thông tin tuyên truyền	Chuyên viên
2.4	Thanh tra	Thanh tra viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	7
3.1	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.2	Công nghệ thông tin kiêm Nhân viên kỹ thuật	Chuyên viên
3.3	Quản trị công sở kiêm Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Kế toán	Kế toán viên trung cấp
3.5	Văn thư kiêm Lưu trữ, kiêm Thủ quỹ	Cán sự
3.6	Lái xe	Nhân viên
3.7	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		18

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 04 phòng và tương đương: Văn phòng Ban, Thanh tra, Phòng Chính sách Dân tộc, Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 21 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 21 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 20 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 19 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA THANH TRA TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên Vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	6
1.1	Chánh Thanh tra tỉnh	Thanh tra viên cao cấp
1.2	Phó Chánh Thanh tra tỉnh	Thanh tra viên chính
1.3	Chánh Văn phòng	Thanh tra viên chính
1.4	Phó Chánh Văn phòng	Thanh tra viên chính
1.5	Trưởng phòng	Thanh tra viên chính
1.6	Phó Trưởng phòng	Thanh tra viên chính
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5
2.1	Thanh tra kinh tế xã hội	Thanh tra viên
2.2	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
2.3	Thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
2.4	Thanh tra tiếp dân, xử lý đơn thư	Thanh tra viên
2.5	Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	Thanh tra viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	10
3.1	Tổ chức nhân sự (Chánh Văn phòng kiêm nhiệm)	
3.2	Hành chính tổng hợp (Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm)	
3.3	Quản trị công sở (Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm)	
3.4	Kế toán (Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm)	
3.5	Nhân viên kỹ thuật kiêm Thủ quỹ	Chuyên viên
3.6	Văn thư kiêm Lưu trữ	Chuyên viên
3.7	Hành chính một cửa kiêm Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.8	Lái xe	Nhân viên
3.9	Bảo vệ	Nhân viên
3.10	Tạp vụ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		21

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 06 phòng và tương đương:

Văn phòng; Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1; Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2; Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3; Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng; Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 38 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 37 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 37 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 36 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	7
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	9
2.1	Kiểm tra, thẩm định, rà soát văn bản	Chuyên viên
2.2	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
2.3	Quản lý hành chính tư pháp	Chuyên viên
2.4	Theo dõi công tác bồi thường nhà nước, đăng ký giao dịch bảo đảm	Chuyên viên
2.5	Quản lý lý lịch tư pháp	Chuyên viên
2.6	Phổ biến giáo dục pháp luật	Chuyên viên
2.7	Quản lý hoạt động hòa giải cơ sở	Chuyên viên
2.8	Quản lý hỗ trợ tư pháp	Chuyên viên
2.9	Thanh tra	Thanh tra viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	7
3.1	Hành chính một cửa	Cán sự
3.2	Kế toán kiêm quản trị công sở	Chuyên viên
3.3	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.4	Văn thư - Lưu trữ	Nhân viên
3.5	Lái xe	Nhân viên
3.6	Phục vụ	Nhân viên
3.7	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		23

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 07 phòng và tương đương:

Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; Phòng Hành chính tư pháp; Phòng Bổ trợ tư pháp.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 32 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 32 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 32 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 31 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	8
2.1	Quản lý quy hoạch	Chuyên viên
2.2	Tổng hợp kinh tế xã hội	Chuyên viên
2.3	Quản lý kế hoạch và đầu tư (gồm cả vốn ODA)	Chuyên viên
2.4	Thẩm định chủ trương đầu tư	Chuyên viên
2.5	Quản lý đăng ký kinh doanh	Chuyên viên
2.6	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	Chuyên viên
2.7	Thanh tra	Thanh tra viên
2.8	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Cán sự
3.4	Quản trị công sở	Cán sự
3.5	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.6	Kế toán	Kế toán viên
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	Nhân viên
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		29

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 08 phòng và tương đương:

Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Quy hoạch - Tổng hợp; Phòng Thẩm định dự án; Phòng Kinh tế ngành; Phòng Hợp tác đầu tư; Phòng Đăng ký kinh doanh; Phòng Lao động - Văn xã.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 51 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 51 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 51 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 50 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NAM

*(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Chuyên viên hoặc Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Chuyên viên hoặc Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	7
2.1	Quản lý ngân sách	Chuyên viên
2.2	Quản lý giá và thẩm định giá	Chuyên viên
2.3	Quản lý công sản	Chuyên viên
2.4	Quản lý Tài chính đầu tư đầu tư	Chuyên viên
2.5	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Chuyên viên
2.6	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên
2.7	Thanh tra	Chuyên viên hoặc Thanh tra viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Cán sự
3.4	Quản trị công sở	Cán sự
3.5	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.6	Kế toán	Kế toán viên trung cấp
3.7	Thủ quỹ	Cán sự hoặc tương đương
3.8	Văn thư	Cán sự hoặc tương đương
3.9	Lưu trữ	Cán sự hoặc tương đương
3.10	Lái xe	Nhân viên
3.11	Phục vụ	Nhân viên
3.12	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		27

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 07 phòng và tương đương:

Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Quản lý ngân sách; Phòng Tài chính đầu tư; Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp; Phòng Quản lý giá và công sản; Phòng Tài chính doanh nghiệp.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 65 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 65 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 65 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 61 biên chế

- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	12
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.5	Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.7	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.9	Đội trưởng thanh tra giao thông	Thanh tra viên hoặc tương đương
1.10	Phó Đội trưởng thanh tra giao thông	Thanh tra viên hoặc tương đương
1.11	Chánh Văn phòng Ban ATGT tỉnh	Chuyên viên
1.12	Phó Chánh Văn phòng Ban ATGT tỉnh	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	9
2.1	Quản lý kế hoạch	Chuyên viên
2.2	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
2.3	Quản lý hạ tầng giao thông	Chuyên viên
2.4	Quản lý phương tiện - người lái	Chuyên viên
2.5	Quản lý vận tải	Chuyên viên
2.6	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Chuyên viên
2.7	Quản lý công tác an toàn giao thông	Chuyên viên
2.8	Thanh tra	Thanh tra viên hoặc tương đương
2.9	Tổng hợp, giúp việc Ban ATGT	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	11
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp, pháp chế	Chuyên viên
3.3	Một cửa	Chuyên viên
3.4	Công nghệ thông tin kiêm Quản trị công sở	Chuyên viên hoặc tương đương
3.5	Văn thư kiêm Lưu trữ	Cán sự hoặc tương đương
3.6	Kế toán	Chuyên viên hoặc tương đương
3.7	Thủ quỹ	Chuyên viên
3.8	Nhân viên kỹ thuật	Cán sự hoặc tương đương
3.9	Lái xe	Nhân viên
3.10	Phục vụ	Nhân viên
3.11	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		32

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 05 Phòng và tương đương:

Văn phòng Sở; Thanh tra Giao thông vận tải (Thanh tra Sở); Phòng Quản lý Hạ tầng giao thông; Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái; Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 59 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 57 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 56 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 55 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	14
2.1	Quản lý quy hoạch-kế hoạch	Chuyên viên
2.2	Quản lý tài chính-kế toán	Chuyên viên
2.3	Quản lý công nghiệp	Chuyên viên
2.4	Quản lý tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	Chuyên viên
2.5	Quản lý về khuyến công	Chuyên viên
2.6	Quản lý thương mại-dịch vụ	Chuyên viên
2.7	Quản lý về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Chuyên viên
2.8	Quản lý an toàn thực phẩm trong kinh doanh	Chuyên viên
2.9	Quản lý về năng lượng	Chuyên viên
2.10	Quản lý ứng dụng khoa học công nghệ	Chuyên viên
2.11	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	Chuyên viên
2.12	Quản lý về xuất nhập khẩu-hợp tác quốc tế	Chuyên viên
2.13	Thanh tra	Thanh tra viên
2.14	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Cán sự
3.4	Quản trị công sở	Cán sự
3.5	Công nghệ thông tin	tương đương

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
3.6	Kế toán	Kế toán viên trung cấp
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	tương đương
3.10	Lái xe	Nhân viên
3.11	Phục vụ	Nhân viên
3.12	Bảo vệ	Nhân viên
3.13	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		35

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 07 phòng và 01 chi cục:

Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Quản lý công nghiệp; Phòng Quản lý thương mại; Phòng Quản lý năng lượng; Phòng Kỹ thuật an toàn-Môi trường; Phòng Quản lý Đầu tư và Xuất nhập khẩu; Chi cục Quản lý thị trường Quảng Nam.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc (bao gồm cả Chi cục Quản lý thị trường):

- Biên chế công chức năm 2018: 165 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 157 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 154 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 151 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	16
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên hoặc tương đương
1.5	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.6	Phó Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên hoặc tương đương
1.7	Chi cục Trưởng thuộc Sở	Chuyên viên hoặc tương đương
1.8	Phó Chi cục trưởng thuộc Sở	Chuyên viên hoặc tương đương
1.9	Phó Chánh Văn phòng Nông thôn mới	Chuyên viên hoặc tương đương
1.10	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương
1.11	Trưởng phòng thuộc Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	Chuyên viên hoặc tương đương
1.12	Đội trưởng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương
1.13	Hạt trưởng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương
1.14	Phó trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương
1.15	Đội phó thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương
1.16	Hạt phó thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	29
2.1	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên hoặc tương đương
2.2	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	Chuyên viên
2.3	Quản lý trồng trọt	Chuyên viên
2.4	Quản lý bảo vệ thực vật	Chuyên viên
2.5	Kiểm dịch thực vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật
2.6	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	Chuyên viên
2.7	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Chuyên viên hoặc tương đương
2.8	Quản lý dịch bệnh	Chuyên viên hoặc tương đương
2.9	Kiểm dịch động vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật
2.10	Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	Chuyên viên hoặc tương đương
2.11	Theo dõi sử dụng và phát triển rừng	Chuyên viên
2.12	Thông tin tuyên truyền, khuyến nông	Chuyên viên
2.13	Kiểm lâm	Chuyên viên hoặc KLV trung cấp
2.14	Quản lý nuôi trồng thủy sản	Chuyên viên
2.15	Quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Chuyên viên
2.16	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	Chuyên viên
2.17	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chuyên viên
2.18	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư (<i>Quản lý di dời dân và tái định cư</i>)	Chuyên viên
2.19	Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão (<i>Quản lý phòng chống thiên tai, rủi ro</i>)	Chuyên viên
2.20	Quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên
2.21	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Chuyên viên
2.22	Quản lý chế biến và thương mại nông lâm thủy sản	Chuyên viên
2.23	Thanh tra	Thanh tra viên
2.24	Pháp chế	Chuyên viên hoặc tương đương

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
2.25	Quản lý về xây dựng công trình	Chuyên viên
2.26	Quản lý phát triển nông thôn và OCOP	Chuyên viên
2.27	Quản lý, theo dõi hoạt động lâm nghiệp và theo dõi kiểm lâm địa bàn	Chuyên viên
2.28	Quản lý công tác giống cây lâm nghiệp	Chuyên viên
2.29	Quản lý thủy nông	Chuyên viên
III.	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	10
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính - tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Cán sự
3.4	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.5	Kế toán	Kế toán viên trung cấp
3.6	Thủ quỹ	Cán sự
3.7	Văn thư	Cán sự
3.8	Lái xe	Nhân viên
3.9	Phục vụ	Nhân viên
3.10	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		55

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 04 Phòng (tương đương) và 07 Chi cục:

Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng Quản lý xây dựng công trình, Phòng Khoa học - Thông tin; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Thủy sản, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 446 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 444 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 442 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 441 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	8
2.1	Quản lý Kiến trúc-Quy hoạch	Chuyên viên
2.2	Quản lý hoạt động xây dựng	Chuyên viên
2.3	Quản lý chất lượng công trình	Chuyên viên
2.4	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	Chuyên viên
2.5	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Chuyên viên
2.6	Quản lý kinh tế xây dựng	Chuyên viên
2.7	Quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
2.8	Pháp chế-Thanh tra	Thanh tra viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.5	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.6	Kế toán	Chuyên viên
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên
3.8	Văn thư	Chuyên viên
3.9	Lưu trữ	Nhân viên
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		29

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 05 phòng:

Văn phòng Sở; Thanh tra Xây dựng; Phòng Quy hoạch; Phòng Quản lý Hạ tầng; Phòng Giám định.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 36 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 35 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 35 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 35 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
I TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	12
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.9	Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.10	Phó Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên
1.12	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	16
2.1	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Chuyên viên
2.2	Quản lý khai thác khoáng sản	Chuyên viên
2.3	Quản lý khai thác tài nguyên nước	Chuyên viên
2.4	Quản lý về khí tượng thủy văn	Chuyên viên
2.5	Quản lý theo dõi, ứng phó với biến đổi khí hậu	Chuyên viên
2.6	Thẩm định giá đất	Chuyên viên
2.7	Quản lý đăng ký đất đai	Chuyên viên
2.8	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	Chuyên viên
2.9	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Chuyên viên
2.10	Quản lý phí bảo vệ môi trường	Chuyên viên
2.11	Quản lý chất thải	Chuyên viên
2.12	Quản lý đa dạng sinh học	Chuyên viên
2.13	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Chuyên viên
2.14	Quản lý tổng hợp về biển, đảo	Chuyên viên
2.15	Thanh tra	Thanh tra viên
2.16	Pháp chế	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.5	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.6	Kế toán, kế hoạch-tài chính	Kế toán viên
3.7	Thủ quỹ	Kế toán viên trung cấp
3.8	Văn thư	Chuyên viên
3.9	Lưu trữ	Lưu trữ viên
3.10	Lái xe	Nhân viên
3.11	Phục vụ	Nhân viên
3.12	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		40

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 04 phòng (tương đương) và 03 Chi cục:

Văn phòng Sở; Thanh tra Tài nguyên và Môi trường; Phòng Khoáng sản; Phòng Nước, Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; Chi cục Bảo vệ môi trường; Chi cục Quản lý đất đai; Chi cục Biển và Hải đảo.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 64 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 64 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 64 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 63 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.5	Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	11
2.1	Quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên
2.2	Quản lý về văn hoá	Chuyên viên
2.3	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Chuyên viên
2.4	Quản lý về gia đình	Chuyên viên
2.5	Quản lý về thể dục thể thao	Chuyên viên
2.6	Quản lý về du lịch	Chuyên viên
2.7	Quản lý kế hoạch - tài chính	Chuyên viên
2.8	Quản lý tổ chức - biên chế	Chuyên viên
2.9	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Chuyên viên
2.10	Thanh tra	Thanh tra viên
2.11	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.5	Công nghệ thông tin	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3.6	Kế toán	KTVTC
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	Nhân viên
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		32

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 07 phòng và tương đương:

Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng Quản lý văn hóa, Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình, Phòng Nghiệp vụ thể dục thể thao, Phòng Quản lý lưu hành, Phòng Quản lý lưu trữ.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 73 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 71 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 69 biên chế
- Biên chế công chức đến năm 2021: 68 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.5	Chánh thanh tra	Thanh tra viên
1.6	Phó trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.8	Phó Chánh thanh tra	Thanh tra viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	9
2.1	Quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên
2.2	Quản lý viễn thông	Chuyên viên
2.3	Quản lý bưu chính	Chuyên viên
2.4	Quản lý báo chí	Chuyên viên
2.5	Quản lý xuất bản	Chuyên viên
2.6	Quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên
2.7	Quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên
2.8	Thanh tra	Thanh tra viên
2.9	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	11
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.5	Kê toán	KTVTC
3.6	Thủ quỹ	Nhân viên
3.7	Văn thư	Nhân viên
3.8	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
3.9	Lái xe	Nhân viên
3.10	Phục vụ	Nhân viên
3.11	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		28

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 05 phòng và tương đương:

Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Thông tin-Báo chí-Xuất bản, Phòng Bưu chính-Viễn thông.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 25 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 25 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 24 biên chế
- Biên chế công chức đến năm 2021: 24 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ NGOẠI VỤ TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra (Phó Giám đốc Sở kiêm nhiệm)	Thanh tra viên
1.5	Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra (Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm)	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	9
2.1	Hợp tác quốc tế	Chuyên viên
2.2	Phiên dịch	Chuyên viên
2.3	Lễ tân đối ngoại	Chuyên viên
2.4	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Chuyên viên
2.5	Theo dõi người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên
2.6	Theo dõi công tác biên giới	Chuyên viên
2.7	Công tác lãnh sự tại địa phương	Chuyên viên
2.8	Thanh tra	Thanh tra viên
2.9	Công tác Phi chính phủ nước ngoài	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
3.6	Kế toán	KTVTC
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
3.10	Nhân viên kỹ thuật	NV hoặc TĐ
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		30

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 05 phòng và tương đương:

Văn phòng, Thanh tra Sở, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Lãnh sự và Người Việt Nam ở nước ngoài, Phòng Quản lý biên giới và Phi chính phủ nước ngoài.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 24 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 24 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 24 biên chế
- Biên chế công chức đến năm 2021: 24 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	11
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.5	Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên
1.6	Phó trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên
1.9	Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.10	Phó Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	11
2.1	Quản lý kế hoạch - tài chính	Chuyên viên
2.2	Quản lý công nghệ	Chuyên viên
2.3	Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân	Chuyên viên
2.4	Quản lý sở hữu trí tuệ	Chuyên viên
2.5	Quản lý khoa học	Chuyên viên
2.6	Quản lý thị trường khoa học công nghệ	Chuyên viên
2.7	Quản lý khoa học công nghệ cấp cơ sở	Chuyên viên
2.8	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chuyên viên
2.9	Quản lý đo lường	Chuyên viên
2.10	Thanh tra	Thanh tra viên
2.11	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3.4	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.5	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.6	Kế toán	KTVTC
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		35

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 05 phòng (trương đương) và 01 Chi cục thuộc Sở:

Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng Quản lý chuyên ngành, Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở, Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 33 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 33 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 33 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 33 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	10
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.5	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.6	Phó Chánh thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.7	Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.8	Phó Chi cục trưởng	Chuyên viên
1.9	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên
1.10	Phó trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	16
2.1	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
2.2	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	Chuyên viên
2.3	Quản lý ngộ độc thực phẩm	Chuyên viên
2.4	Quản lý nghiệp vụ dược	Chuyên viên
2.5	Quản lý nghiệp vụ y	Chuyên viên
2.6	Quản lý hành nghề y dược tư nhân	Chuyên viên
2.7	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Chuyên viên
2.8	Thông tin truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm	Chuyên viên
2.9	Quản lý đăng ký và chứng nhận sản phẩm	Chuyên viên
2.10	Quản lý công tác Dân số- KHHGD	Chuyên viên
2.11	Thông tin truyền thông về KHHGD	Chuyên viên
2.12	Quản lý bảo hiểm y tế	Chuyên viên
2.13	Tổ chức - Biên chế	Chuyên viên
2.14	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Chuyên viên
2.15	Thanh tra	Thanh tra viên
2.16	Pháp chế	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Quản trị công sở	Chuyên viên
3.5	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.6	Kế toán	KTVTC
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	Nhân viên
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		39

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 05 phòng (tương đương) và 02 Chi cục thuộc Sở:

Phòng Tổ chức-Hành chính, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Nghiệp vụ Y, Phòng Nghiệp vụ Dược, Thanh tra Sở; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 66 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 64 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 62 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 61 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	6
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên
1.5	Phó trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên
1.6	Phó Chánh thanh tra Sở	Thanh tra viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	17
2.1	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
2.2	Quản lý kế hoạch - thống kê	Chuyên viên
2.3	Quản lý quan hệ lao động và tiền lương	Chuyên viên
2.4	Quản lý về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
2.5	Quản lý về việc làm, xuất khẩu lao động và lao động người nước ngoài	Chuyên viên
2.6	Quản lý về an toàn lao động, vệ sinh lao động	Chuyên viên
2.7	Quản lý về giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên
2.8	Quản lý chính sách người có công	Chuyên viên
2.9	Quản lý hồ sơ người có công	Chuyên viên
2.10	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	Chuyên viên
2.11	Quản lý công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	Chuyên viên
2.12	Quản lý về bình đẳng giới	Chuyên viên
2.13	Theo dõi công tác dạy nghề - lao động sản xuất tại các trung tâm cho đối tượng nghiện ma túy, mại dâm	Chuyên viên
2.14	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
2.15	Thanh tra	Thanh tra viên
2.16	Pháp chế	Chuyên viên
2.17	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Kế toán	KTVTC
3.5	Thủ quỹ	Nhân viên
3.6	Công nghệ thông tin	NV hoặc TĐ
3.7	Quản trị công sở	Nhân viên
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		36

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 08 phòng và tương đương:

Phòng Tổ chức-Hành chính; Thanh tra Sở; Phòng Người có công; Phòng Lao động – Việc làm; Phòng Dạy nghề; Phòng Bảo trợ xã hội; Phòng Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới; Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 62 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 62 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 61 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 60 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	8
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.5	Chánh văn phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.7	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra viên
1.8	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	15
2.1	Quản lý giáo dục mầm non	Chuyên viên
2.2	Quản lý giáo dục tiểu học	Chuyên viên
2.3	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	Chuyên viên
2.4	Quản lý giáo dục trung học phổ thông	Chuyên viên
2.5	Quản lý giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	Chuyên viên
2.6	Quản lý giáo dục chuyên nghiệp	Chuyên viên
2.7	Quản lý giáo dục dân tộc	Chuyên viên
2.8	Theo dõi công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên
2.9	Quản lý khảo thí và kiểm định chất lượng	Chuyên viên
2.10	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
2.11	Quản lý kế hoạch - thống kê	Chuyên viên
2.12	Quản lý tổ chức - biên chế	Chuyên viên
2.13	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Chuyên viên
2.14	Thanh tra	Thanh tra viên
2.15	Pháp chế	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	13
3.1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Cán sự
3.4	Quản trị công sở	Cán sự
3.5	Công nghệ thông tin	Cán sự
3.6	Kế toán	Kế toán viên
3.7	Thủ quỹ	Nhân viên
3.8	Văn thư	Nhân viên
3.9	Lưu trữ	Nhân viên
3.10	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên
3.11	Lái xe	Nhân viên
3.12	Phục vụ	Nhân viên
3.13	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		36

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 08 phòng và tương đương:

Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Giáo dục Mầm non; Phòng Giáo dục Tiểu học; Phòng Giáo dục Trung học; Phòng Công tác chính trị; Phòng Giáo dục thường xuyên - Chuyên nghiệp; Phòng Công nghệ thông tin - Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 51 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 51 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 51 biên chế
- Biên chế công chức đến năm 2021: 49 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo quản lý, điều hành	4
1.1	Chánh văn phòng	Chuyên viên chính
1.2	Phó Chánh văn phòng	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6
2.1	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Chuyên viên
2.2	Theo dõi công tác văn hóa - xã hội	Chuyên viên
2.3	Theo dõi công tác pháp chế	Chuyên viên
2.4	Theo dõi công tác dân tộc	Chuyên viên
2.5	Tổng hợp thông tin - dân nguyện	Chuyên viên
2.6	Tiếp công dân	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	8
3.1	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.2	Công nghệ thông tin	Chuyên viên
3.3	Kế toán	Chuyên viên
3.4	Lưu trữ, thủ quỹ, theo dõi công sản	Cán sự
3.5	Văn thư	Cán sự
3.6	Phục vụ	Nhân viên
3.7	Lái xe	Nhân viên
3.8	Bảo vệ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		18

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 02 phòng:

Phòng Tổng hợp; Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 24 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 24 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 24 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 23 biên chế

- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.

Phụ lục
DANH MỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ MỞ CHU LẠI
(Kèm theo Quyết định số 2820 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
(1)	(2)	(3)
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	6
1.1	Trưởng Ban	Chuyên viên chính
1.2	Phó Trưởng Ban	Chuyên viên chính
1.3	Trưởng phòng	Chuyên viên
1.4	Chánh Văn phòng	Chuyên viên
1.5	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên
1.6	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6
2.1	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên
2.2	Quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên
2.3	Quản lý lao động	Chuyên viên
2.4	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Chuyên viên
2.5	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
2.6	Quản lý quy hoạch và xây dựng	Chuyên viên
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	10
3.1	Tổ chức, nhân sự	Chuyên viên
3.2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
3.3	Hành chính một cửa	Chuyên viên
3.4	Công nghệ thông tin, quản trị công sở, ISO	Chuyên viên
3.5	Kế toán	Chuyên viên hoặc tương đương
3.6	Thủ quỹ	Cán sự
3.7	Văn thư, lưu trữ	Cán sự
3.8	Bảo vệ	Nhân viên
3.9	Lái xe	Nhân viên
3.10	Phục vụ	Nhân viên
Tổng số vị trí việc làm		22

II. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm 06 Phòng và tương đương:

Văn phòng Ban, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Quản lý đầu tư, Phòng Quản lý doanh nghiệp, Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường, Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng.

III. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức năm 2018: 51 biên chế
- Biên chế công chức năm 2019: 47 biên chế
- Biên chế công chức năm 2020: 44 biên chế
- Biên chế công chức năm 2021: 41 biên chế
- Định suất lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh.